

Bản án số: 206/2017/HSST
Ngày 21-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Chiến Thắng
2. Bà Bùi Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 214/2017/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2017/HSST-QĐ ngày 09/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Thế T1, sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Bình; thường trú: Ấp 2 xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Đại N, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; bị cáo có 01 em ruột sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 21/7/2017 Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 86, bị cáo bị bắt giam ngày 04/03/2017, có mặt.

2. Trần Văn T2, sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Bình; thường trú: Thôn 2 xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Nhà trọ Phạm Đức T, khu phố Đ3, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1969; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 21/7/2017 Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 86, bị cáo bị bắt giam ngày 04/03/2017, có mặt.

Người bị hại: Anh Đỗ Xuân P, sinh năm 1985; thường trú: Thôn Nghĩa X, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên; tạm trú: Khu phố L, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Xuân C, sinh năm 1992; thường trú: Đội 1 xã Quảng L, huyện T, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Khu phố 3, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Chị Đinh Thị Thu H sinh năm 1988; thường trú: Thôn Nghĩa X, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: Khu phố 3, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 là bạn, khoảng 07 giờ ngày 18/02/2017, T1 điện thoại rủ T2 đi trộm cắp tài sản. Đến 08 giờ 30 phút cùng ngày T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 73E1-218.69 đến phòng ở trọ của T1, T1 đem theo 01 cây đoản hình chữ T dùng bẻ khóa xe mô tô sau đó điều khiển xe chở T2 lưu thông trên đường. Khi cả hai lưu thông đến gara ô tô Phúc D địa chỉ 388/9 khu phố P, phường B thị xã K, tỉnh Bình Dương, T1 dừng xe để T2 giữ rồi đi bộ đến xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 89M1-134.94 của anh Đỗ Xuân P đang dựng ở cổng gara cách đường 10m, T1 dắt xe mô tô biển số 89M1-134.94 ra đường, do xe có chìa khóa ở ổ khóa, T1 nổ máy xe tẩu thoát, T2 điều khiển xe chạy phía sau. T1, T2 mang xe bán cho người tên H (không rõ nhân thân) ở khu vực chợ A2, khu phố Đ, phường B được 4.000.000đồng và chia nhau mỗi người 2.000.000đồng. Xe mô tô biển số 89M1-134.94 không thu hồi được.

Ngày 04/3/2017, T2 và T1 mang theo đoản khóa xe thực hiện việc trộm cắp tại khu vực phường C, thị xã A, tỉnh Bình Dương thì bị bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 89 ngày 04/5/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen, đỏ, xám, biển số 89M1-134.94 trị giá 13.500.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Xuân P yêu cầu bị cáo T1, T2 bồi thường 13.500.000đồng.

Cáo trạng số 216/QĐ/KSĐT ngày 25/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt việc tổng hợp hình phạt các bản án đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 138, Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 50 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T1, T2 mức án tù 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự; Buộc bị cáo T1, T2 phải liên đới bồi thường cho bị hại P số tiền 13.500.000đồng.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Trần Thế T1: Biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn T2: Bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 thừa nhận vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 18/02/2017, bị cáo T2 cảnh giới, bị cáo T1 chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 89M1-134.94 của anh Đỗ Xuân P có trị giá 13.500.000đồng.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô trị giá 13.500.000đồng của anh P vào ngày 18/02/2017 đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bản cáo trạng số 216/QĐ-KSĐT ngày 25/7/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp

đến tài sản của anh Đỗ Xuân P được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo T1, T2 mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định tại Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T1, T2 không có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo T1 là người chuẩn bị đoán bẻ khóa xe mô tô và rủ rê bị cáo T2 phạm tội và cùng với T2 tham gia với vai trò người thực hành. Vì vậy, mức án bị cáo T1 phải cao hơn so với bị cáo T2.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 89M1-134.94 của anh Đỗ Xuân P bị cáo T1, T2 bán không thu hồi được. Anh P yêu cầu các bị cáo bồi thường. Vì vậy, buộc bị cáo T1 và T2 phải liên đới bồi thường cho anh P số tiền 13.500.000đồng.

[6] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 73E1-218.69, qua điều tra xác định xe trên của anh Trần Xuân C, anh C cho T2 mượn xe đi lại và không biết xe trên T2 và T1 sử dụng vào việc phạm tội. Xe trên đã được giải quyết tại bản án số 86 ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo T1, T2, việc tổng hợp hình phạt của các bản án đối với bị cáo T1, T2 cũng như trách nhiệm bồi thường dân sự. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T1, T2 phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và phải liên đới nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

1.1 Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 50 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thế T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 86/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Buộc bị cáo T1 phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

1.2 Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 50 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 86/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo T2 phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 tính từ ngày 04/3/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 phải liên đới bồi thường cho anh Đỗ Xuân P số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Trần Thế T1, Trần Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo T1 và T2 phải liên đới nộp 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND xấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Linh